TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 4 - 2022
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đinh Thị Bích Liễu .

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Giang và ông Trần Văn Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 05/4/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 571/2021/TLST- HNGĐ ngày 04/11/2021 về "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị M, sinh năm 1967; Cư trú: Số 36A, ấp H, xã H1, huyện T, tỉnh Đ. (vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Tấn T, sinh năm 1966; Cư trú: Số 36A, ấp H, xã H1, huyện T, tỉnh Đ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị M và ông Lê Tấn T kết hôn tự nguyện và ngày 31/12/2002 được Ủy ban nhân dân xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ lâu, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên từ năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bà M xin được ly hôn với ông T nhưng ông T không đồng ý vì ông không muốn các con thiếu tình cảm của cha, mẹ.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lê Đăng Ch, sinh ngày 05/09/1992; Lê Đặng Kim N, sinh ngày 12/02/1994; Lê Đăng Ph, sinh ngày 07/02/1997. Các con đã thành niên và có khả năng lao động nên bà M và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà M và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Bà M và ông T khai không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ, Hội đồng xét xử đúng quy định bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M; Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Bà M và ông T khai không có; Tài sản chung: Bà M và ông T không yêu cầu giải quyết; Buộc bà M nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt (BL 28, 29). Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị M và ông Lê Tấn T kết hôn không vi phạm điều kiện kết hôn và ngày 31/12/2002 được Ủy ban nhân dân xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Bà M và ông T đều cho rằng: Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống nên từ năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bà M xin ly hôn với ông T nhưng ông T không đồng ý vì không muốn các con thiếu tình cảm của cha, mẹ. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông T ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà M xin ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Các con chung là Lê Đăng Ch, sinh ngày 05/09/1992; Lê Đặng Kim N, sinh ngày 12/02/1994; Lê Đăng Ph, sinh ngày 07/02/1997 đã thành niên và có khả năng lao động, bà M và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà M và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà M và ông T khai không có.

[6] Về án phí: Bà M phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát đề nghị là có cơ sở nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Xử cho bà Đặng Thị M và ông Lê Tấn T ly hôn.

- Về con chung: Các cháu Lê Đăng Ch, sinh ngày 05/09/1992; Lê Đặng Kim N, sinh ngày 12/02/1994; Lê Đăng Ph, sinh ngày 07/02/1997 đã thành niên và có khả năng lao động, bà M và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà M và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà M và ông T khai không có.

- Về án phí: Bà Đặng Thị M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí, theo biên lai thu số 0000107 ngày 04/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà M đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai ;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THA DS cùng cấp;
- UBND xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (GCNKH số 83 ngày 31/12/2002);
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Thị Bích Liễu